

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỎ CÀY NAM
TỈNH BẾN TRE**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 44/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 27-3-2025

V/v tranh chấp “không công nhận
quan hệ vợ chồng”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Mai Chiến Trực

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Nam

2. Bà Trần Thị Sầm

- Thư ký phiên tòa: bà Lê Thị Sương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: ông Nguyễn Hoàng Lanh – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 3 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 370/2024/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2024 về tranh chấp “Không công nhận quan hệ vợ chồng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 57/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 02 năm 2025 và quyết định hoãn phiên tòa số 97/2025/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2025 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* bà **Nguyễn Thị Ngọc M**, sinh năm 1978.

Nơi cư trú: ấp T, xã Đ, huyện M1, tỉnh Bến Tre (có mặt).

2. *Bị đơn:* ông **Đỗ Văn L**, sinh năm 1969.

Nơi cư trú: ấp T, xã Đ, huyện M1, tỉnh Bến Tre (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện; bản tự khai, các văn bản, tài liệu chứng cứ cung cấp cho Tòa án, cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc M trình bày:

Bà và ông Đỗ Văn L tổ chức đám cưới và sống chung với nhau từ năm 1996. Sau khi kết hôn, bà và ông L có đi khai kết hôn nhưng không làm thủ tục đăng ký hôn tại Ủy ban nhân dân xã theo quy định. Quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm,

không hợp nhau, ông L thường hay xúc phạm, nói nặng nói nhẹ bà, nhiều lần đuổi bà ra khỏi nhà. Bà và ông L đã ly thân từ tháng 9/2024 đến nay nên bà yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng với ông Đỗ Văn L.

Về con chung: bà và ông L có hai con chung đã trưởng thành là Đỗ Ngọc N, sinh năm 1997 và Đỗ Trường Đ1, sinh năm 2001 nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: bà và ông L tự thỏa thuận nên không yêu cầu giải quyết. Trường hợp sau này bà và ông L không thỏa thuận được thì sẽ khởi kiện bằng vụ án khác. Tại phiên tòa, bà yêu cầu tòa án xem xét chia tài sản chung giữa bà và ông L, tài sản chung là nhà và đất tại xã Đ, huyện M1, tỉnh Bến Tre.

Về nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Theo bản tự khai bị đơn ông Đỗ Văn L trình bày:

Ông thống nhất với lời trình bày của bà Nguyễn Thị Ngọc M về thời gian tổ chức đám cưới, thời gian chung sống. Ông và bà M không có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã theo quy định.

Về nguyên nhân mâu thuẫn: ông cũng có lần nhậu say về chửi và đuổi bà M ra khỏi nhà nhưng sau đó ông có xin lỗi, bà M cũng đã bỏ qua. Ông bà cũng thường cãi nhau nhưng mọi chuyện không lớn nên không xảy ra vấn đề gì.

Mặc dù, ông và bà M đã ly thân từ tháng 9/2024 đến nay nhưng ông còn thương vợ nên ông mong vợ chồng hàn gắn tình cảm, ông cho rằng mâu thuẫn vợ chồng không có gì đáng kể nên ông không đồng ý ly hôn.

Về con chung: ông và bà M có hai con chung đã trưởng thành là Đỗ Ngọc N, sinh năm 1997 và Đỗ Trường Đ1, sinh năm 2001.

Về tài sản chung: chúng tôi tự thỏa thuận nên không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Về việc tuân theo pháp luật: những người tiến hành tố tụng và nguyên đơn tuân thủ đúng quy định pháp luật, bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt. Về nội dung: đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ngọc M.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào lời trình bày của đương sự, căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Bà Nguyễn Thị Ngọc M khởi kiện yêu cầu ly hôn ông Đỗ Văn L. Tuy nhiên, bà M và ông L chung sống với nhau từ năm 1996 nhưng không có đăng ký kết hôn nên hội đồng xét xử xác định đây là tranh chấp không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 8 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ông Đỗ Văn L là bị đơn cư trú tại huyện M1, tỉnh Bến Tre nên vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ông Đỗ Văn L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng ông L vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt ông L theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung yêu cầu khởi kiện:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: bà Nguyễn Thị Ngọc M và ông Đỗ Văn L cùng thống nhất trình bày sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 1996 nhưng đến nay không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu sống chung với nhau hạnh phúc, sau đó thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Bà M và ông L cùng thống nhất vợ chồng có mâu thuẫn với nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không hợp nhau, ông bà thường xuyên cãi nhau dẫn đến sự việc ông L đuổi bà M ra khỏi nhà và đã ly thân từ tháng 9/2024 đến nay. Tuy nhiên, ông L cho rằng mâu thuẫn vợ chồng không lớn, ông còn thương bà M và mong muốn được hàn gắn tình cảm vợ chồng nên không đồng ý đối với yêu cầu không công nhận vợ chồng của bà M.

Xét thấy, tại công văn số 591/UBND-TP ngày 09/10/2024 của Ủy ban nhân dân xã T, huyện M1 thể hiện “sau khi kiểm tra sổ bộ hộ tịch tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện M1, tỉnh Bến Tre. Anh Đỗ Văn L, sinh năm 1969, địa chỉ cư trú: ấp T, xã Đ, huyện M1, tỉnh Bến Tre và chị Nguyễn Thị Ngọc M, sinh năm 1978, địa chỉ cư trú: ấp Tân Điền, xã T, huyện M1, tỉnh Bến Tre không có thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện M1, tỉnh Bến Tre” và tại công văn số 640/UBND-TP ngày 15/10/2024 của Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện M1 thể hiện “qua kiểm tra hồ sơ lưu trữ tại UBND xã không tìm thấy giấy đăng ký kết hôn của ông Đỗ Văn L, sinh năm: 1969 và bà Nguyễn Thị Ngọc M, sn: 1978, cư trú ấp T, xã Đ, huyện M1, tỉnh Bến Tre tại UBND xã Định Thủy”. Như vậy, bà M và ông L sống chung với nhau như vợ chồng sau ngày 03/01/1987 nhưng đến nay không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, bà M và ông L đã vi phạm vào Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình nên việc kết hôn của ông, bà không có giá trị pháp lý. Theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình thì nam nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng.

Xét yêu cầu không công nhận vợ chồng của bà Nguyễn Thị Ngọc M với ông Đỗ Văn L, Hội đồng xét xử xét thấy, từ khi bà M nộp đơn khởi kiện vào tháng 10/2024, Tòa án đã tiến hành hòa giải mâu thuẫn giữa bà M và ông L nhưng đến nay bà M vẫn giữ nguyên yêu cầu không công nhận vợ chồng và ông L vẫn không có biện pháp nào để hàn gắn tình cảm với bà M. Tòa án đã triệu tập ông L để tham gia phiên tòa nhưng ông L vắng mặt không có lý do thể hiện ông L cũng không còn muốn hàn gắn. Bên cạnh đó, ông L cũng thừa nhận nguyên nhân mâu thuẫn là do ông bà bất đồng quan điểm trong cuộc sống, ông bà thường xuyên cãi nhau dẫn đến sự việc ông L đuổi bà M ra khỏi nhà. Như vậy, mâu thuẫn giữa bà M và ông L là có thật. Bà M và ông L đã ly thân từ tháng 9/2024 đến nay, điều đó cho thấy tình

trạng hôn nhân giữa bà M và ông L đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc M tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị Ngọc M và ông Đỗ Văn L.

[2.2] Về con chung: bà Nguyễn Thị Ngọc M và ông Đỗ Văn L có 02 con chung là Đỗ Ngọc N, sinh năm 1997 và Đỗ Trường Đ1, sinh năm 2001, hiện đã trưởng thành nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung: trong quá trình hòa giải tại Tòa án, bà M và ông L cùng thống nhất tự thỏa thuận về tài sản chung với nhau. Tuy nhiên, tại phiên tòa, bà M yêu cầu Tòa án chia tài sản chung của bà M và ông L. Tại mục 7, phần IV của Công văn số 01/2017/GĐ-TANDTC ngày 07/4/2017 của Tòa án nhân dân Tối cao thể hiện “Tòa án chấp nhận việc nguyên đơn thay đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện nếu việc thay đổi, bổ sung được thực hiện trước thời điểm mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải”. Xét thấy, bà M yêu cầu chia tài sản chung sau khi Tòa án mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, sau khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa bà M cũng chưa nộp đơn khởi kiện về việc chia tài sản chung, yêu cầu chia tài sản chung này vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự không xem xét đối với yêu cầu chia tài sản chung của bà M trong vụ án này, bà M được quyền khởi kiện chia tài sản chung đối với ông L bằng một vụ kiện khác.

[2.4] Về nợ chung: bà Nguyễn Thị Ngọc M và ông Đỗ Văn L cùng khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3] Lời phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa về nội dung giải quyết vụ án là phù hợp với quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, bà Nguyễn Thị Ngọc M phải nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 8 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các điều 147, 244, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 9, 14 Luật Hôn nhân và gia đình;

Áp dụng Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc M đối với bị đơn ông Đỗ Văn L về việc tranh chấp không công nhận quan hệ vợ chồng, cụ thể tuyên:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: không công nhận bà Nguyễn Thị Ngọc M và ông Đỗ Văn L là vợ chồng.

1.2. Về con chung: bà Nguyễn Thị Ngọc M và ông Đỗ Văn L có 02 con chung là Đỗ Ngọc N, sinh năm 1997 và Đỗ Trường Đ1, sinh năm 2001, hiện đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

1.3. Về tài sản chung: không xem xét đối với yêu cầu chia tài sản chung của bà Nguyễn Thị Ngọc M trong vụ án này. Bà Nguyễn Thị Ngọc M được quyền khởi kiện chia tài sản chung đối với ông Đỗ Văn L bằng một vụ kiện khác.

1.4. Về nợ chung: bà Nguyễn Thị Ngọc M và ông Đỗ Văn L cùng khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí: án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, bà Nguyễn Thị Ngọc M phải nộp nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003699 ngày 27 tháng 9 năm 2024 của chi cục thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

3. Bà Nguyễn Thị Ngọc M được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Đỗ Văn L vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Mỏ Cày Nam;
- Chi cục THADS huyện Mỏ Cày Nam;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Mai Chiến Trục

